

## 7. PHỤ LỤC

### Phụ lục 1 Chỉ tiêu phấn đấu thi đua

| CÁC HOẠT ĐỘNG                        | CHỈ TIÊU NH 2024–2025                         | KẾT QUẢ                                             | GHI CHÚ |
|--------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------|
|                                      |                                               | NH 2023–2024                                        |         |
| <b>1/ Chuyên môn</b>                 |                                               |                                                     |         |
| Chuyên đề                            | 2 CD / tổ / năm                               | 1 CD / tổ / năm (đạt)                               |         |
| Thao giảng                           | 5 tiết / tổ / năm – 100% /TSGV/ môn ít GV/năm | 4 tiết / tổ / năm – 100% /TSGV/ môn ít GV/năm (đạt) |         |
| Thăm lớp dự giờ NKBH                 | 6 tiết/ HK/ GV                                | 4 tiết/ HK/ GV (đạt)                                |         |
| Sinh hoạt CM của tổ                  | 2 lần / tháng                                 | 2 lần / tháng (đạt)                                 |         |
| <b>Thi đua</b>                       |                                               |                                                     |         |
| Chiến sĩ thi đua TP                  | 1 CBGVNV                                      | 0 CBGVNV (chưa)                                     |         |
| Bằng khen thành phố                  | 1 CBGVNV                                      | 0 CBGVNV (chưa)                                     |         |
| Chiến sĩ thi đua cơ sở               | 15% CBGVNV                                    | 8/43 CBGVNV (Tăng 2 so với chỉ tiêu)                |         |
| Lao động tiên tiến                   | 100% CBGVNV                                   | 43/43 CBGVNV (đạt)                                  |         |
| Giáo viên tham gia BDTX              | 100%                                          | 100% 9đạt)                                          |         |
| Tham gia Hội thi                     | 2 giải                                        | 2 giải (Tăng 1 so với chỉ tiêu)                     |         |
| <b>Chỉ tiêu các môn</b>              |                                               |                                                     |         |
| Ngữ văn                              | 98.5 %                                        | 98.4 % / 95.0%                                      |         |
| Toán                                 | 95.0 %                                        | 93.2 % / 95.0 %                                     |         |
| KHTN                                 | 99.5 %                                        | 99. 5% / 95.0 %                                     |         |
| Tiếng Anh                            | 93.0 %                                        | 90.8% / 85.0 %                                      |         |
| Lịch sử - Địa lý                     | 99.5 %                                        | 99.8% / 95.0 %                                      |         |
| GDCD                                 | 100 %                                         | 100% /100 %                                         |         |
| Công nghệ                            | 99.5 %                                        | 100% / 95.0 %                                       |         |
| GDTC (Thể dục)                       | 100 %                                         | 100% / 100 %                                        |         |
| Nghệ thuật (Mỹ thuật, Âm nhạc)       | 100 %                                         | 100% / 100 %                                        |         |
| Tin học                              | 100.0 %                                       | 100% / 90.0 %                                       |         |
| HĐTN-HN                              | 100%                                          | 100% / 100%                                         |         |
| GDĐP                                 | 100%                                          | 100% /100%                                          |         |
| <b>2/ Chất lượng GD</b>              |                                               |                                                     |         |
| Lên lớp thẳng                        | 99.00%                                        | 98.43% / 95,5%                                      |         |
| Lưu ban                              | Phần đầu <1%                                  | 0.39% / <1%                                         |         |
| Bỏ học                               | Phần đầu <1%                                  | 0.06% / <1%                                         |         |
| HSDT                                 | 90 %                                          |                                                     |         |
| <b>Kết quả rèn luyện (Hạnh kiểm)</b> |                                               |                                                     |         |

|                                            |                            |                                      |  |
|--------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------|--|
| Tốt                                        | 92.0%                      | 92.95% / 92.0%                       |  |
| Khá                                        | 6.0%                       | 6.38% / 6.0%                         |  |
| Đạt                                        | 2%                         | 0.67% / 2%                           |  |
| Chưa đạt                                   | Phần đầu 0%                | 0% / 0%                              |  |
| <b>Kết quả học tập (Học lực)</b>           |                            |                                      |  |
| Tốt                                        | 45.0 %                     | 44.13% / 40.0 %                      |  |
| Khá                                        | 35.0 %                     | 36.91% / 35.0 %                      |  |
| Đạt                                        | 17,0 %                     | 17.39% / 23,0 %                      |  |
| Chưa đạt                                   | 2.0 %                      | 1.57% / 2.0 %                        |  |
| Lên lớp sau thi lại                        | 1 %                        | 0.75% / 1 %                          |  |
| HSG cấp huyện                              | Có học sinh đạt            | Có học sinh đạt                      |  |
| HSG cấp TP                                 | Có học sinh đạt            | Có học sinh đạt                      |  |
| HS nghiên cứu khoa học                     | Phần đầu có sản phẩm       | 02 học sinh cấp TP<br>01 Khéo tay KT |  |
| Giải vô địch học sinh cấp huyện, thành phố | Có HC cấp huyện, HC cấp TP | 22 HC các loại                       |  |

**PHỤ LỤC 2**  
**BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2024-2025**  
( Đính kèm Kế hoạch số /KH-BVT ngày tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng trường  
THCS Bùi Văn Thủ)

| STT                | MÔN HỌC | HỌC KỲ I |        |        |        | HỌC KỲ II |        |        |        |
|--------------------|---------|----------|--------|--------|--------|-----------|--------|--------|--------|
|                    |         | KHỐI 6   | KHỐI 7 | KHỐI 8 | KHỐI 9 | KHỐI 6    | KHỐI 7 | KHỐI 8 | KHỐI 9 |
| Môn học chính khoá |         |          |        |        |        |           |        |        |        |
| 1                  | TOÁN    | 4        | 4      | 4      | 4      | 4         | 4      | 4      | 4      |
| 2                  | KHTN    | 4        | 4      | 4      | 4      | 4         | 4      | 4      | 4      |
| 3                  | TIN     | 1        | 1      | 1      | 1      | 1         | 1      | 1      | 1      |
| 4                  | GDTC    | 2        | 2      | 2      | 2      | 2         | 2      | 2      | 2      |
| 5                  | NGŨ VĂN | 4        | 4      | 4      | 4      | 4         | 4      | 4      | 4      |
| 6                  | LS & ĐL | 3        | 3      | 3      | 3      | 3         | 3      | 3      | 3      |
| 7                  | ANH     | 3        | 3      | 3      | 3      | 3         | 3      | 3      | 3      |

|           |                            |           |           |           |           |           |           |           |           |
|-----------|----------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| <b>8</b>  | <b>GDCD</b>                | 1         | 1         | 1         | 1         | 1         | 1         | 1         | 1         |
| <b>9</b>  | <b>NHỆ THUẬT NHẠC</b>      | 1         | 1         | 1         | 1         | 1         | 1         | 1         | 1         |
| <b>10</b> | <b>NGHỆ THUẬT MĨ THUẬT</b> | 1         | 1         | 1         | 1         | 1         | 1         | 1         | 1         |
| <b>11</b> | <b>CÔNG NGHỆ</b>           | 1         | 1         | 2         | 1         | 1         | 1         | 1         | 2         |
| <b>12</b> | <b>GDDP</b>                | 1         | 1         | 1         | 1         | 1         | 1         | 1         | 1         |
| <b>13</b> | <b>HĐTN-HN</b>             | 3         | 3         | 3         | 3         | 3         | 3         | 3         | 3         |
|           | <b>TỔNG</b>                | <b>29</b> | <b>29</b> | <b>30</b> | <b>29</b> | <b>29</b> | <b>29</b> | <b>29</b> | <b>30</b> |

### Hoạt động giáo dục

|           |                                |                                                                                                           |
|-----------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>14</b> | Học bơi                        | Tổ chức phổ cập bơi lội cho học sinh 4 khối trong 6 tuần (12 tiết)                                        |
| <b>15</b> | Tiếng anh với người nước ngoài | Tổ chức giảng dạy 02 tiết / tuần theo số lượng học sinh đăng ký ở các khối lớp trên tinh thần tự nguyện   |
| <b>16</b> | Kỹ năng sống                   | Tổ chức giảng dạy 01 tiết / tuần theo số lượng học sinh đăng ký ở các khối lớp trên tinh thần tự nguyện   |
| <b>17</b> | STEM                           | Tổ chức giảng dạy 01 tiết / tuần theo số lượng học sinh đăng ký ở các khối lớp 6 trên tinh thần tự nguyện |
| <b>18</b> | Tin học quốc tế                | Tổ chức giảng dạy theo số lượng học sinh đăng ký ở khối lớp 6, 7, 8 trên tinh thần tự nguyện              |

**Phụ lục 3: Số tiết hoạt động giáo dục các môn học trong năm**

| TT                           | Môn học                                  | Số tiết lớp 6, 7, 8, 9 |                                               |                                               |
|------------------------------|------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
|                              |                                          | Tổng                   | HK1                                           | HK2                                           |
| Môn học bắt buộc             |                                          |                        |                                               |                                               |
| 1                            | Ngữ văn                                  | 140                    | - LL: 64<br>- CD: 4<br>- TN: 4                | - LL: 60<br>- CD: 4<br>- TN: 4                |
| 2                            | Toán                                     | 140                    | - LL: 64<br>- CD: 4<br>- TN: 4                | - LL: 60<br>- CD: 4<br>- TN: 4                |
| 3                            | Ngoại ngữ<br>(Tiếng Anh)                 | 105                    | - LL: 48<br>- CD: 2<br>- TN: 4                | - LL: 45<br>- CD: 2<br>- TN: 4                |
| 4                            | Giáo dục công dân                        | 35                     | - LL: 15<br>- CD: 1<br>- TN: 2                | - LL: 14<br>- CD: 1<br>- TN: 2                |
| 5                            | Lịch sử và Địa lý                        | 105                    | - LL: 44<br>- CD: 6<br>- TN: 4                | - LL: 42<br>- CD: 6<br>- TN: 3                |
| 6                            | Khoa học tự nhiên                        | 140                    | - LL: 60<br>- CD: 8<br>- TN: 4                | - LL: 56<br>- CD: 8<br>- TN: 4                |
| 7                            | Công nghệ 6,7                            | 35                     | - LL: 15<br>- CD: 1<br>- TN: 2                | - LL: 14<br>- CD: 1<br>- TN: 2                |
|                              | Công nghệ 8                              | 52                     | - LL: 32<br>- CD: 1<br>- TN: 2                | - LL: 14<br>- CD: 1<br>- TN: 2                |
|                              | Công nghệ 9                              | 52                     | - LL: 14<br>- CD: 1<br>- TN: 2                | - LL: 32<br>- CD: 1<br>- TN: 2                |
| 8                            | Tin học                                  | 35                     | - LL: 15<br>- CD: 1<br>- TN: 2                | - LL: 14<br>- CD: 1<br>- TN: 2                |
| 9                            | Giáo dục thể chất                        | 70                     | - LL: 30<br>- CD: 2<br>- TN: 4                | - LL: 28<br>- CD: 2<br>- TN: 4                |
| 10                           | Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật)           | 70                     | - LL: 30<br>- CD: 2<br>- TN: 4                | - LL: 28<br>- CD: 2<br>- TN: 4                |
| Hoạt động giáo dục bắt buộc  |                                          |                        |                                               |                                               |
| 11                           | Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp      | 105                    | - SHL: 18<br>- SHDC: 18<br>- CD: 9<br>- TN: 8 | - SHL: 18<br>- SHDC: 18<br>- CD: 8<br>- TN: 8 |
| Nội dung giáo dục địa phương |                                          |                        |                                               |                                               |
| 0                            | Nội dung giáo dục của địa phương 6, 7, 8 | 35                     | - LL: 12<br>- CD: 2<br>- TN: 4                | - LL: 11<br>- CD: 2<br>- TN: 4                |
| 12                           | Nội dung giáo dục của địa                | 35                     | - LL: 0                                       | - LL: 31                                      |

| TT                                      | Môn học                                      | Số tiết lớp 6, 7, 8, 9 |                                |                                |
|-----------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
|                                         |                                              | Tổng                   | HK1                            | HK2                            |
|                                         | phương 8                                     |                        | - CD: 0<br>- TN: 0             | - CD: 4<br>- TN: 0             |
| <b>Môn học tự chọn</b>                  |                                              |                        |                                |                                |
| 13                                      | Ngoại ngữ 2                                  | <b>0</b>               | - LL: 0<br>- CD: 0<br>- TN: 0  | - LL: 0<br>- CD: 0<br>- TN: 0  |
| <b>Chương trình tăng cường/ mở rộng</b> |                                              |                        |                                |                                |
| 14                                      | Phổ cập bơi                                  | <b>12</b>              | 12                             | 12                             |
| 15                                      | Giao tiếp tiếng Anh với giáo viên nước ngoài | <b>70</b>              | - LL: 36<br>- CD: 0<br>- TN: 0 | - LL: 34<br>- CD: 0<br>- TN: 0 |
| 16                                      | Tin học theo đề án                           | <b>66</b>              | 34                             | 32                             |
| 17                                      | Phụ đạo học sinh yếu                         | <b>120</b>             | 60                             | 60                             |
| 18                                      | Kỹ năng sống                                 | <b>35</b>              | - LL: 12<br>- CD: 2<br>- TN: 4 | - LL: 11<br>- CD: 2<br>- TN: 4 |
| <b>Tổng số tiết/năm học</b>             |                                              | <b>1420</b>            |                                |                                |
| <b>Số tiết học trung bình/tuần</b>      |                                              | <b>36,4</b>            |                                |                                |

## PHỤ LỤC 4: Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp

[illegible]

| THỜI GIAN | NỘI DUNG CÔNG TÁC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | CHỊU TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8, 9/2024 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ổn định và xây dựng nề nếp giảng dạy trực tuyến của giáo viên và học tập của học sinh.</li> <li>- Phân công GVCN, giáo viên dạy lớp</li> <li>- Họp tổ CM, chuẩn bị kế hoạch tổ chuyên môn</li> <li>- Xếp thời khóa biểu số 1</li> <li>- Xây dựng kế hoạch hội thi tìm hiểu luật giao thông đường bộ</li> <li>- Chuẩn bị các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất ngày tựu trường và khai giảng năm học mới theo kế hoạch của UBND huyện.</li> <li>- Triển khai kế hoạch tổ chức các cuộc thi chuyên môn cấp THCS.</li> <li>- Triển khai báo cáo trực tuyến, theo dõi thi đua, đăng ký tham gia các hoạt động chuyên môn qua trang thông tin điện tử của Ngành và của các đơn vị.</li> <li>- Bồi dưỡng học sinh giỏi dự thi cấp huyện</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                             | <p>Toàn trường</p> <p>CBQL, Tổ CM<br/>Tổ chuyên môn<br/>PHT<br/>CBQL, TPT</p> <p>HT</p> <p>CBQL</p> <p>CBQL, HĐSP, Tổ CM,</p> <p>Theo tổ bộ môn phân công</p>                                                                                                                                    |
|           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tựu trường ngày 26/8/2024</li> <li>- Diễn tập Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ ngày 30/8/2024</li> <li>- Khai giảng năm học ngày 5/9/2024</li> <li>- Phát động chủ đề “Tháng an toàn giao thông”</li> <li>- Báo cáo giáo dục an toàn giao thông, xây dựng nếp sống văn minh đô thị</li> <li>- Kiện toàn hồ sơ thành lập các tổ chức đoàn thể, tổ chuyên môn, bộ phận chuyên môn, ...</li> <li>- Thống nhất kế hoạch, các quy định về chuyên môn chuẩn bị cho công tác thanh kiểm tra trường suốt năm học.</li> <li>- Lập kế hoạch phụ đạo học sinh chưa đạt và tiến hành thực hiện trong tháng</li> <li>- Lập kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi</li> <li>- Họp tổ chuyên môn, xây dựng kế hoạch cá nhân, đăng ký thi đua</li> <li>-Thảo giảng, báo cáo chuyên đề môn HĐTN,HN cấp huyện</li> <li>- Thi “Văn hay chữ tốt”, Lớn lên cùng sách cấp trường</li> <li>- Hội thi tìm hiểu luật giao thông đường bộ</li> <li>- Xây dựng và thực hiện Kế hoạch thi GV giỏi cấp trường</li> </ul> | <p>Toàn trường</p> <p>Toàn trường<br/>Toàn trường<br/>Toàn trường<br/>Toàn trường</p> <p>CBQL<br/>CBQL, Tổ CM</p> <p>CBQL, TTCM</p> <p>CBQL, TTCM<br/>Tổ CM, giáo viên</p> <p>Tổ CM, giáo viên<br/>Tổ CM, giáo viên chủ nhiệm<br/>Tổ Ngữ văn<br/>TPT, GV GD CD, học sinh</p> <p>CBQL-TTCM-GV</p> |
| 10/2024   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành các loại sổ sách, CN, học bạ (nếu có).</li> <li>- Báo cáo chuyên đề. Thảo giảng, họp tổ chuyên môn, rà soát việc thực hiện chương trình, kế hoạch</li> <li>- Thi “Văn hay chữ tốt” cấp Huyện lần thứ 24 (nếu</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <p>CBQL, GVBM</p> <p>CBQL, Tổ CM<br/>Tổ Ngữ văn</p>                                                                                                                                                                                                                                              |

| THỜI GIAN     | NỘI DUNG CÔNG TÁC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | CHỊU TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN                                                                                                                                     |
|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|               | <p>có)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia giải “<i>Thể thao học sinh</i>” cấp trường và cấp Huyện (nếu có)</li> <li>- Tham gia hội thi Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường</li> <li>- Tổ chức Hội thi “<i>Lớn lên cùng sách</i>” cấp trường và huyện</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <p>GVBM, học sinh chuẩn bị CBQL, GV TD, HS CBQL, GV</p> <p>CBQL, NVTV, Tổ Ngữ văn</p>                                                                          |
| 11/2024       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo chuyên đề, thao giảng, họp tổ CM</li> <li>- Tổ chức kiểm tra đánh giá giữa kỳ</li> <li>- Tham gia các hội thi cấp huyện, cấp TP</li> <li>- Tổ chức hội thi “<i>Lớn lên cùng sách</i>” cấp huyện.</li> <li>- Tổ chức hội thi “<i>Khéo tay kỹ thuật</i>” cấp huyện.(nếu có)</li> <li>- Tổ chức và tham gia các hoạt động, phong trào Hội thi chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 cấp trường và cấp huyện</li> </ul>                                                                                                                                    | <p>Tổ CM<br/>CBQL, Tổ CM, GV TTCM, GV<br/>Tổ Văn, Nhân viên Thư viện, học sinh</p> <p>GV công nghệ<br/>Toàn trường</p>                                         |
| 12/2024       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Họp tổ CM chuẩn bị Kiểm tra đánh giá cuối kỳ HKI</li> <li>- Tổ chức Ôn tập và Kiểm tra đánh giá cuối kỳ HKI,</li> <li>- Xét duyệt kết quả học tập và rèn luyện xếp loại học sinh cuối kỳ HKI</li> <li>- Sơ kết HKI</li> <li>- Dự sơ kết chuyên môn HKI</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <p>Tổ CM<br/>CBQL, GV<br/>CBQL, Giám thị, GV<br/>Toàn trường<br/>Theo kế hoạch của PGD<br/>Theo kế hoạch của PGD</p>                                           |
| 01 và 02/2025 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thao giảng, Họp tổ CM, Báo cáo chuyên đề</li> <li>- Cuộc thi Hùng biện tiếng Anh.(nếu có)</li> <li>- Tổ chức kiểm tra đánh giá giữa kỳ HKII các môn</li> <li>- Tổ chức Hội Xuân 2025 (nếu có)</li> <li>- Tham gia hội thi Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp Huyện theo kế hoạch</li> <li>- Tổ chức và tham gia các phong trào “<i>Mừng Đảng mừng Xuân</i>” kỷ niệm ngày thaafnh lập Đảng Cộng sản Việt Nam 3/2</li> <li>- <i>Nghỉ Tết Âm lịch 05/02/2025 (26 tháng Chạp Âm lịch) đến hết ngày 18/02/2025 (Mùng 09 tháng Giêng năm Giáp Thìn Âm lịch).</i></li> </ul> | <p>CBQL, Tổ CM<br/>CBQL, GV tiếng Anh, học sinh<br/>CBQL, Tổ CM, học sinh<br/>CBQL, Chi đoàn, LD, HS</p> <p>CBQL, GV</p> <p>Toàn trường</p> <p>Toàn trường</p> |
| 3/2025        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thao giảng, Họp tổ CM, Báo cáo chuyên đề</li> <li>- Tham gia Hội thi “<i>Sáng tác ảnh Tuổi xanh</i>” lần thứ 16, nét vẽ xanh các cấp</li> <li>- Đón đoàn kiểm tra Hồ sơ học vụ, thư viện, thiết bị và các phòng chức năng.</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ 2.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <p>CBQL, Tổ CM</p> <p>GV, HS<br/>CBQL và các bộ phận<br/>GV, HS</p>                                                                                            |
| 4/2025        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thao giảng, họp tổ, Báo cáo chuyên đề</li> <li>- Ôn tập kiểm tra đánh giá cuối kỳ HKII</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <p>Tổ CM<br/>Giáo viên</p>                                                                                                                                     |

| THỜI GIAN            | NỘI DUNG CÔNG TÁC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | CHỊU TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN                                                                            |
|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                      | - Tham gia hội thi “ <i>Nét vẽ xanh</i> ” .(nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Gv Mỹ thuật, HS                                                                                       |
| <b>5/2025</b>        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra đánh giá cuối kỳ HKII</li> <li>- Tham gia Hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi</li> <li>- Lập kế hoạch ôn tập hè, kiểm tra đánh giá lại và Tổng kết năm học</li> <li>- Hoàn tất các báo cáo thông kê, báo cáo tổng kết năm học</li> <li>- Kiểm tra chéo hồ sơ học vụ</li> <li>- Tập hợp hồ sơ, đánh giá thi đua.</li> </ul> | CBQL,GV,học sinh<br>CBQL,GV dự thi<br>CBQL<br><br>CBQL, Tổ CM<br><br>CBQL,GVBM,GVCN<br>CBQL,Tổ CM, GV |
| <b>06 và 07/2025</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia coi thi tuyển sinh vào lớp 10</li> <li>- Tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chính trị trong hè</li> <li>- Xét duyệt thi đua cuối năm</li> <li>- Tuyển sinh vào lớp 6</li> </ul>                                                                                                                                       | CBQL,GV<br>CBQL,GV,NV<br><br>HĐ thi đua<br>HĐ tuyển sinh lớp 6                                        |

**+ Thực hiện theo CTGDPT 2018, kết quả đạt được**  
**- Về năng lực**

| TS HS | Tự chủ và tự học |     | Giao tiếp và hợp tác |     | Giải quyết vấn đề và sáng tạo |     | Năng lực đặc thù |     |          |     |          |     |           |     |         |     |         |     |          |     |
|-------|------------------|-----|----------------------|-----|-------------------------------|-----|------------------|-----|----------|-----|----------|-----|-----------|-----|---------|-----|---------|-----|----------|-----|
|       |                  |     |                      |     |                               |     | Ngôn ngữ         |     | Toán học |     | Khoa học |     | Công nghệ |     | Tin học |     | Thẩm mĩ |     | Thể chất |     |
|       | Tốt              | Đạt | Tốt                  | Đạt | Tốt                           | Đạt | Tốt              | Đạt | Tốt      | Đạt | Tốt      | Đạt | Tốt       | Đạt | Tốt     | Đạt | Tốt     | Đạt | Tốt      | Đạt |
| 2418  | 2176             | 242 | 2055                 | 363 | 1934                          | 484 | 2418             | 00  | 1692     | 726 | 1692     | 726 | 2055      | 363 | 1692    | 726 | 2176    | 242 | 2369     | 48  |
| Tỉ lệ | 90               | 10  | 85                   | 15  | 80                            | 20  | 100              | 00  | 70       | 30  | 70       | 30  | 85        | 15  | 70      | 30  | 90      | 10  | 98       | 5   |

**- Về phẩm chất**

| Tổng số học sinh | Yêu nước |     | Nhân ái |     | Chăm chỉ |     | Trung thực |     | Trách nhiệm |     |
|------------------|----------|-----|---------|-----|----------|-----|------------|-----|-------------|-----|
|                  | Tốt      | Đạt | Tốt     | Đạt | Tốt      | Đạt | Tốt        | Đạt | Tốt         | Đạt |
| 2418             | 2418     | 00  | 2418    | 00  | 2055     | 363 | 2055       | 363 | 2176        | 242 |
| Tỉ lệ            | 100      | 00  | 100     | 00  | 85       | 15  | 85         | 15  | 90          | 10  |

